|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****THANH HÓA***(Đề có 4 trang)* | **ĐỀ THI THỬ TNTHPT QUỐC GIA NĂM 2022****ĐỀ SỐ 8****Bài thi: KHOA HỌC TỰ NHIÊN****Môn thi thành phần: HOÁ HỌC***Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Họ, tên thí sinh:** .....................................................................

**Mã đề thi 008**

**Số báo danh:** ..........................................................................

\* Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:

H = 1; He = 4; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137.

\* Các thể tích khí đều đo ở điều kiện tiêu chuẩn, giả thiết các khí sinh ra không tan trong nước.

**Câu 41:** Ở điều kiện thường, Thủy Ngân (Hg) tác dụng với phi kim nào sau đây?

 **A**. Flo.       **B**. Lưu huỳnh.     **C**. Photpho.       **D**. Nitơ.

**Câu 42:** Vào mùa lũ, để có nước sử dụng, dân cư ở một số vùng thường sử dụng chất **X** (có công thức K2SO4.Al2(SO4)3.24H2O) để làm trong nước. Chất **X** được gọi là

 **A**. phèn chua.       **B**. vôi sống.       **C**. thạch cao.       **D**. muối ăn.

**Câu 43:** Quặng xiđerit có thành phần chính là

 **A.** FeCO3. **B.** Fe3O4. **C.** Fe2O3. **D.** FeS2.

**Câu 44:** Monome nào sau đây **không** có phản ứng trùng hợp?

 **A.** CH2=CH2. **B.** CH2=CH-CH3. **C.** CH2=CHCl. **D.** CH3-CH3.

**Câu 45:** Kim loại nào sau đây điều chế được bằng phương pháp nhiệt luyện với chất khử là CO?

 **A**. K.       **B**. Na.       **C**. Fe.       **D**. Ca.

**Câu 46:** Đun nước cứng lâu ngày, trong ấm nước xuất hiện một lớp cặn. Thành phần chính của lớp cặn đó là

 **A**. CaCl2.       **B**. CaCO3.       **C**. Na2CO3.       **D**. CaO.

**Câu 47:** Chất **không** có phản ứng thủy phân là

 **A.** Glucozơ. **B.** Tinh bột. **C.** Xenlulozơ. **D.** Saccarozơ.

**Câu 48:** Trong phòng thí nghiệm, kim loại Na được bảo quản bằng cách ngâm trong chất lỏng nào sau đây?

 **A**. Nước.       **B**. Dầu hỏa.       **C**. Giấm ăn.       **D**. Ancol etylic.

**Câu 49:** Trong môi trường kiềm, protein có phản ứng màu biure với

 **A.** NaCl. **B.** Mg(OH)2. **C.** Cu(OH)2. **D.** KCl.

**Câu 50:** Chất nào sau đây có tính lưỡng tính?

 **A**. Na2CO3.       **B**. Al(OH)3.       **C**. AlCl3.       **D**. NaNO3.

**Câu 51:** Kim loại nào sau đây có tính khử yếu nhất?

 **A**. Ag.       **B**. Na.       **C**. Al.       **D**. Fe.

**Câu 52:** Chất béo là trieste của axit béo với

 **A.** metanol. **B.** glixerol. **C.** etilen glycol. **D.** etanol.

**Câu 53:** Este nào sau đây tác dụng với NaOH thu được anđehit axetic?

 **A.** CH3COOCH3. **B.** CH3COOCH=CH2.

 **C.** CH2=CHCOOCH3. **D.** HCOOCH2CH=CH2.

**Câu 54:** Rót 1 - 2 ml dung dịch chất **X** đậm đặc vào ống nghiệm đựng 1 - 2 ml dung dịch Na2CO3. Đưa que diêm đang cháy vào miệng ống nghiệm thì que diêm tắt. Chất **X** là

 **A**. Ancol etylic.       **B**. Anđehit axetic.       **C**. Axit axetic.       **D**. Phenol.

**Câu 55:** Cho hỗn hợp gồm 5,6 gam Fe và 6,4 gam Cu vào dung dịch H2SO4 loãng, dư. Phản ứng xong, thu được V lít (đktc) khí H2. Giá trị của V là

 **A.** 4,48. **B.** 1,12. **C.** 3,36. **D.** 2,24.

**Câu 56:** Dùng Al dư khử hoàn toàn 4,8 gam Fe2O3 thành Fe bằng phản ứng nhiệt nhôm. Khối lượng Fe thu được là

 **A**. 1,68.       **B**. 2,80.       **C**. 3,36.       **D**. 0,84.

**Câu 57:** Tinh thể chất rắn **X** không màu, vị ngọt, dễ tan trong nước. **X** có nhiều trong cây mía, củ cải đường và hoa thốt nốt. Trong công nghiệp, **X** được chuyển hóa thành chất **Y** dùng để tráng gương, tráng ruột phích. Tên gọi của **X** và **Y** lần lượt là

 **A**. Glucozơ và saccarozơ.       **B**. Saccarozơ và sobitol.

 **C**. Glucozơ và fructozơ.     **D**. Saccarozơ và glucozơ.

**Câu 58:** Phản ứng nào sau đây có phương trình ion rút gọn là H+ + OH− → H2O?

 **A.** CH3COOH + NaOH → CH3COONa + H2O. **B.** NaOH + HCl → NaCl + H2O.

 **C.** Ba(OH)2 + H2SO4 → BaSO4 + 2H2O. **D.** Mg(OH)2 + 2HCl → MgCl2 + 2H2O.

**Câu 59:** Phát biểu nào sau đây đúng?

 **A**. Ở điều kiện thường, anilin là chất khí.          **B**. Phân tử Gly-Ala-Gly có 4 nguyên tử oxi.

 **C**. Dung dịch valin làm quỳ tím hoá đỏ. **D**. Các amin đều có số nguyên tử hiđro lẻ.

**Câu 60:** Tiến hành các thí nghiệm sau:

 (a) Nhúng thanh đồng nguyên chất vào dung dịch FeCl3.

 (b) Để miếng tôn (sắt tráng kẽm) trong không khí ẩm.

 (c) Nhúng thanh kẽm vào dung dịch H2SO4 loãng có nhỏ vài giọt dung dịch CuSO4.

 (d) Đốt sợi dây sắt trong bình đựng khí oxi.

Trong các thí nghiệm trên, số thí nghiệm xảy ra ăn mòn điện hoá là

 **A.** 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 1.

**Câu 61:** Cho 7,5 gam amino axit **X** (công thức có dạng H2NCnH2nCOOH tác dụng hết với dung dịch HCl dư, thu được 11,15 gam muối. Số nguyên tử hiđro trong phân tử **X** là

 **A.** 7. **B.** 5. **C.** 9. **D.** 11.

**Câu 62:** Thí nghiệm nào sau đây **không** xảy ra phản ứng?

 **A.** Cho kim loại Fe vào dung dịch HNO3.

 **B.** Cho dung dịch FeCl3 vào dung dịch AgNO3.

 **C.** Cho dung dịch Fe(NO3)2 vào dung dịch HCl.

 **D.** Sục khí Cl2 vào dung dịch Fe2(SO4)3.

**Câu 63:** Cho 90 gam glucozơ lên men rượu với hiệu suất 80%, thu được m gam C2H5OH. Giá trị của m là

 **A**. 36,8.           **B**. 18,4.           **C**. 23,0.           **D**. 46,0.

**Câu 64:** Cho các polime: poli(vinyl clorua), polietilen, policaproamit, tơ nilon-7, xenlulozơ triaxetat và cao su buna-N. Số polime thuộc loại chất dẻo là

 **A.** 5. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 1.

**Câu 65:** Thủy phân hoàn toàn triglixerit **X** trong dung dịch NaOH, thu được glixerol, natri stearat và natri oleat. Đốt cháy hoàn toàn m gam **X** cần dùng 3,22 mol O2 thu được H2O và 2,28 mol CO2. Mặt khác, m gam **X** tác dụng tối đa với a mol Br2 trong dung dịch. Giá trị của a là

 **A.** 0,04. **B.** 0,08. **C.** 0,2. **D.** 0,16.

**Câu 66:** Hỗn hợp **X** gồm KHCO3 và Na2CO3. Cho m gam **X** tác dụng với dung dịch Ca(OH)2 dư, thu được 0,12 mol kết tủa. Mặt khác, 2m gam tác dụng với dung dịch HCl dư, thu được V lít khí. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của V là

 **A.** 3,584. **B.** 1,792. **C.** 2,688. **D.** 5,376.

**Câu 67:** Đun nóng hỗn hợp **X** gồm 0,1 mol etilen; 0,1 mol vinylaxetilen và 0,3 mol hiđro với xúc tác Ni một thời gian, thu được hỗn hợp **Y** có tỉ khối so với hiđro bằng 10,75. Cho toàn bộ **Y** vào dung dịch brom dư thấy có tối đa a mol brom phản ứng. Giá trị của a là

 **A.** 0,3. **B.** 0,2. **C.** 0,4. **D.** 0,05.

**Câu 68:** Thực hiện các phản ứng sau:

(1) X + CO2  Y; (2) 2X + CO2  Z + H2O;

(3) Y + T  Q + X + H2O; (4) 2Y + T  Q + Z + 2H2O;

Hai chất X, T tương ứng là:

 **A.** NaOH, Ca(OH)2. **B.** Ca(OH)2, NaOH.

 **C.** NaOH, NaHCO3. **D.** Ca(OH)2, Na2CO3.

**Câu 69:** Cho sơ đồ các phản ứng (theo đúng tỉ lệ mol):

 (a) X + 4AgNO3 + 6NH3 + 2H2O  X1 + 4Ag + 4NH4NO3

 (b) X1 + 2NaOH  X2 + 2NH3 + 2H2O

 (c) X2 + 2HCl  X3 + 2NaCl

 (d) X3 + C2H5OH  X4 + H2O

Biết **X** là hợp chất hữu cơ no, mạch hở, chỉ chứa một loại nhóm chức. Khi đốt cháy hoàn toàn **X2**, sản phẩm thu được chỉ gồm CO2 và Na2CO3. Phân tử khối của **X** là

 **A.** 118. **B.** 138. **C.** 90. **D.** 146.

**Câu 70:** Thực hiện các thí nghiệm sau:
 (a) Đun nóng nước cứng tạm thời.
 (b) Điện phân dung dịch NaCl với điện cực trơ, màng ngăn xốp.
 (c) Cho Fe(OH)2 vào dung dịch H2SO4 đặc, nóng.

 (d) Nung nóng KMnO4.

 (e) Nhúng thanh Zn vào dung dịch hỗn hợp gồm CuSO4 và H2SO4 loãng.

Sau khi các phản ứng kết thúc, số thí nghiệm sinh ra chất khí là

 **A**. 5. **B**. 3. **C**. 2. **D**. 4.

**Câu 71:** Cho các phát biểu sau:
 (a) Thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được ứng dụng làm cửa kính ô tô.
 (b) Quá trình làm rượu vang từ quả nho xảy ra phản ứng lên men rượu của glucozơ.
 (c) Khi ngâm trong nước xà phòng có tính kiềm, vải lụa làm từ tơ tằm sẽ nhanh hỏng.
 (d) Khi rớt axit sunfuric đặc vào vải cotton (sợi bông) thì chỗ vải đó bị đen rồi thủng.
 (e) Dầu mỡ động thực vật bị ôi thiu do liên kết C=C của chất béo bị oxi hóa.
Số phát biểu đúng là

 **A**. 2. **B**. 5. **C**. 4. **D**. 3.

**Câu 72:** Khi làm nguội 1026,4 gam dung dịch bão hòa muối sunfat của kim loại kiềm từ 80oC xuống 10oC, thấy có 395,4 gam tinh thể muối ngậm nước M2SO4.nH2O (X) với 7<n<12 tách ra. Biết độ tan của muối ở 80oC là 28,3 gam và ở 10oC là 9 gam. Công thức của X là

 **A.** LiSO4.10H2O. **B.** K2SO4.10H2O. **C.** Na2SO4.10H2O. **D.** RbSO4.10H2O.

**Câu 73:** Thủy phân hoàn toàn chất hữu cơ E (C9H16O4, chứa hai chức este) bằng dung dich NaOH, thu được sản phẩm gồm ancol X và hai chất hữu cơ Y, Z. Biết Y chứa 3 nguyên tử cacbon và Mx < MY < MZ. Cho Z tác dụng với dung dịch HCl loãng, dư, thu được hợp chất hữu cơ T (C3H6O3). Cho các phát biểu sau:

(1) Khi cho a mol T tác dụng với Na dư, thu được a mol H2.

(2) Có 4 công thức cấu tạo thỏa mãn tính chất của E.

(3) Ancol X là propan-l,2-điol.

(4) Khối lượng mol của Z là 96 gam/mol.

Số phát biểu đúng là

**A.** 3 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 1

**Câu 74:** Cho 14,35 gam muối MSO4.nH2O vào 300 ml dung dịch NaCl 0,6M thu được dung dịch **X**. Tiến hành điện phân dung dịch **X** bằng điện cực trơ, màng ngăn xốp với cường độ dòng điện không đổi trong thời gian t giây, thấy khối lượng catot tăng m gam; đồng thời ở anot thu được 0,1 mol khí. Nếu thời gian điện phân là 2t giây, tổng thể tích khí thoát ra ở 2 cực là 7,28 lít (đktc). Giả sử hiệu suất của phản ứng điện phân là 100% và các khí sinh ra không hoà tan được trong nước. Giá trị của mlà

 **A.** 7,15. **B.** 7,04. **C.** 3,25. **D.** 3,20.

**Câu 75:** Hòa tan hoàn toàn m gam Fe bằng dung dịch HNO3, thu được dung dịch **X** và 1,12 lít NO (đktc). Thêm dung dịch chứa 0,1 mol HCl vào **X** thì thấy khí NO tiếp tục thoát ra và thu được dung dịch **Y**. Để phản ứng hết với các chất trong dung dịch **Y** cần 115 ml dung dịch NaOH 2M. Giá trị của m là

 **A.** 3,36. **B.** 3,92. **C.** 3,08. **D.** 2,8.

**Câu 76:** Cho 86,3 gam hỗn hợp **X** gồm Na, K, Ba và Al2O3 (trong đó oxi chiếm 19,47% về khối lượng) tan hết vào nước, thu được dung dịch **Y** và 13,44 lít khí H2 (đktc). Cho 3,2 lít dung dịch HCl 0,75M vào dung dịch **Y**. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam kết tủa. Giá trị của m **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

 **A.** 27,3. **B.** 54,6. **C.** 23,7. **D.** 10,4.

**Câu 77:** Tiến hành thí nghiệm xà phòng hóa tristearin theo các bước sau:

Bước 1: Cho vào bát sứ khoảng 1 gam tristearin và 2 – 2,5 ml dung dịch NaOH nồng độ 40%.

Bước 2: Đun sôi nhẹ hỗn hợp khoảng 30 phút và khuấy liên tục bằng đũa thủy tinh, thỉnh thoảng thêm vài giọt nước cất để giữ cho thể tích của hỗn hợp không đổi.

Bước 3: Rót thêm vào hỗn hợp 4 – 5 ml dung dịch NaCl bão hòa nóng, khuấy nhẹ rồi để nguội.

Cho các phát biểu sau:

 (1) Sau bước 3, hỗn hợp tách thành hai lớp: phía trên là chất rắn màu trắng, phía dưới là chất lỏng.

 (1) Sau bước 2, thu được chất lỏng đồng nhất.

 (3) Mục đích chính của việc thêm dung dịch NaCl là làm tăng tốc độ cho phản ứng xà phòng hóa.

 (4) Phần chất lỏng sau khi tách hết xà phòng hòa tan Cu(OH)2 thành dung dịch màu xanh lam.

 (5) Trong công nghiệp, người ta sử dụng phản ứng này để điều chế xà phòng và glixerol.

Số phát biểu đúng là

 **A.** 3. **B.** 2. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 78:** Từ hai muối X và Y thực hiện các phản ứng sau:

(1) X  X1 + CO2 (2) X1  + H2O  X2

 (3) X2 + Y  X + Y1 + H2O (4) X2 + 2Y  X + Y2 + H2O

Muối X, Y tương ứng là:

 **A.** MgCO3, NaHCO3. **B.** CaCO3, NaHSO4.

 **C.** BaCO3, Na2CO3. **D.** CaCO3, NaHCO3.

**Câu 79:** Hỗn hợp **E** gồm ba este mạch hở đều tạo bởi axit cacboxylic với ancol: **X** (no, đơn chức), **Y** (không no, đơn chức, phân tử có hai liên kết pi) và **Z** (no, hai chức). Cho 0,2 mol **E** phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được 12,88 gam hỗn hợp ba ancol cùng dãy đồng đẳng và 24,28 gam hỗn hợp **T** gồm ba muối của ba axit cacboxylic. Đốt cháy toàn bộ **T** cần vừa đủ 0,175 mol O2, thu được Na2CO3, CO2 và 0,055 mol H2O. Phần trăm khối lượng của **X** trong **E** có giá trị **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

 **A**. 9. **B**. 12. **C**. 5. **D**. 6.

**Câu 80:** Cho 27,04 gam hỗn hợp rắn **X** gồm Fe, FeO, Fe3O4, Fe2O3 và Fe(NO3)2 vào dung dịch chứa 0,88 mol HCl và 0,04 mol HNO3, khuấy đều cho các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch **Y** (không chứa ion NH4+) và 0,12 mol hỗn hợp khí **Z** gồm NO2 và N2O. Cho dung dịch AgNO3 đến dư vào dung dịch **Y**, thấy thoát ra 0,02 mol khí NO (sản phẩm khử duy nhất), đồng thời thu được 133,84 gam kết tủa. Biết tỉ lệ mol của FeO, Fe3O4, Fe2O3 trong **X** lần lượt là 3 : 2 : 1. Phần trăm số mol của Fe có trong hỗn hợp ban đầu **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

 **A.** 58. **B.** 46. **C.** 54. **D.** 48.

--------------HẾT---------------

**ĐÁP ÁN: ĐỀ SỐ 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **41-B** | **42-A** | **43-A** | **44-D** | **45-C** | **46-B** | **47-A** | **48-B** | **49-C** | **50-B** |
| **51-A** | **52-B** | **53-B** | **54-C** | **55-D** | **56-C** | **57-D** | **58-B** | **59-B** | **60-A** |
| **61-B** | **62-D** | **63-A** | **64-B** | **65-B** | **66-D** | **67-A** | **68-A** | **69-A** | **70-A** |
| **71-B** | **72-C** | **73-C** | **74-C** | **75-B** | **76-C** | **77-C** | **78-D** | **79-A** | **80-C** |

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Câu 64: Chọn B.**

Polime thuộc loại chất dẻo là poli(vinyl clorua), polietilen.

**Câu 65: Chọn B.**

**X** được cấu tạo từ C17H35COOH và C17H33COOH nên **X** là C57HnO6



Theo độ bất bão hoà: 

**Câu 66: Chọn D.**

Cho m gam **X** tác dụng với Ca(OH)­2 thì : ****

Khi cho 2m gam **X** (gấp đôi lượng đầu) tác dụng với HCl (dư):

****

**Câu 67: Chọn A.**



mà pư =  = 0,1 mol pư 

**Câu 68: Chọn C.**

- Các phản ứng xảy ra là:

 FeSO4 + K2Cr2O7 + H2SO4  Fe2(SO4)3 + K2SO4 + Cr2(SO4)3 (X) + H2O

 Cr2(SO4)3 + NaOH dư NaCrO2 (Y) + Na2SO4 + H2O

 NaCrO2 + Br2 + NaOH Na2CrO4 (Z) + NaBr + H2O

**Câu 69: Chọn A.**

Đốt **X2** chỉ tạo CO2 và Na2CO3 ⇒ **X2**: (COONa)2

(1) **X** tác dụng với 4AgNO3 nên **X** là (CHO)2 ⇒ **X1**: (COONH4)2

(2) **X2**: (COONa)2

(3) **X3**: (COOH)2

(4) **X3** + C2H5OH theo tỉ lệ mol 1 : 1 ⇒ **X4**: HOOC-COOC2H5 có .

**Câu 70: Chọn A.**

(a) Đun nóng nước cứng tạm thời chứa Ca(HCO3)2, Mg(HCO3)2 thu được khí CO2.

(b) 2NaCl + 2H2O 2NaOH + Cl2↑ + H2↑

(c) 2Fe(OH)2 + 4H2SO4 đặc, nóng → Fe2(SO4)3 + SO2↑ + 6H2O

(d) 2KMnO4  K2MnO4 + MnO2 + O2↑

(e) Zn + H2SO4 loãng → ZnSO4 + H2↑

**Câu 72: Chọn C.**



**Câu 73: Chọn C.**

(**Đề Tham Khảo lần 2 - 2020**)

|  |
| --- |
|  |

**Câu 74: Chọn C.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời điểm** | **Tại catot** | **Tại anot** |
| Tại t (s) |  |  |
| Tại 2t (s) |  |  |

**\*** Xét quá trình điện phân tại thời điểm t (s):

Ta có: 

**\*** Xét quá trình điện phân tại thời điểm 2t (s): 

Tại anot:  và catot: 

****

Vậy tại thời điểm t (s) thì tại catot tăng là 3,25 gam.

**Câu 75: Chọn B.**

Dung dịch **Y** gồm Fe(NO3)3 (a mol) và HCl dư (b mol) ⇒ 

Khi cho **Y** tác dụng với NaOH thì: 3a + b = 0,23 (1)

 (2). Từ (1), (2) ta tính được: a = 0,07 mol ⇒ m = 

**Câu 76: Chọn C.**

Theo đề ta có:  và 

mà Al2O3 + 2OH– → 2AlO2– + H2O nên suy ra dư = 1,2 – 0,35.2 = 0,5 mol

Cho **Y**

**Câu 77: Chọn C.**

**(1) Đúng,** Sau bước 3, thấy có lớp chất rắn màu trắng nhẹ nổi lên trên bề mặt của chất lỏng đó là xà phòng và phần chất lỏng ở dưới là NaCl và glixerol.

**(2) Đúng,** Sau bước 2, các chất được tạo thành sau phản ứng xà phòng hoá hoà tan với nhau nên lúc này trong bát sứ thu được chất lỏng đồng nhất.

**(3) Sai,** Mục đích chính của việc thêm dung dịch NaCl bão hoà là để kết tinh xà phòng lên trên bề mặt chất lỏng.

**(4) Đúng,** Sau bước 3, chất lỏng trong ống nghiệm có chứa glixerol hoà tan được Cu(OH)2 thành dung dịch có màu xanh lam.

**(5) Đúng.**

**Câu 78: Chọn D.**

Hai X không thể là MgCO3, nếu X là MgCO3 thì X1 là MgO, MgO không phản ứng với nước.

X không thể là BaCO3, nếu X là BaCO3 thì X1 là BaO, X2 là Ba(OH)2, Ba(OH)2 chỉ phản ứng với Na2CO3 (Y) theo tỉ lệ mol 1 : 1.

Suy ra X là CaCO3, nhưng Y không thể là NaHSO4, vì Ca(OH)2 tác dụng với NaHSO4 không sinh ra được CaCO3.

Vậy X và Y là CaCO3 và NaHCO3.

**Câu 79: Chọn A.**

**X** được tạo thành từ axit no và ancol no đều đơn chức (RCOOR1).

**Y** được tạo thành từ axit không no có 1 liên kết C=C và ancol no đều đơn chức (RCOOR2).

**Z** được tạo thành từ axit no hai chức và ancol đơn chức (RCOOR3)2.

Hỗn hợp **T** gồm các muối có dạng RCOONa: x mol và R’(COONa)2: y mol với x + y = 0,2 (1)

Ta có:  ⇒ Trong có 1 muối không chứa H là (COONa)2 và 1 muối là HCOONa



 (2)

Từ (1), (2) suy ra: x = 0,05 ; y = 0,15 ⇒ (MR + 67).0,05 + 0,15.134 = 24,28 ⇒ MR = 16,6

⇒ muối còn lại trong **T** là CH2=CHCOONa. Giải hệ 2 ẩn tìm được mol của HCOONa là 0,02 mol

Xét hỗn hợp ancol, ta có: nancol = x + 2y = 0,35 ⇒ Mancol = 36,8 ⇒ có CH3OH.

Quy đổi hỗn hợp ancol thành CH3OH (0,35 mol) và CH2 (0,12 mol)

**X**: HCOOCH3(CH2)x ; **Y**: C2H3COOCH3(CH2)z  ; **Z**: (COOCH3)2(CH2)z

Ta có: 0,02x + 0,03y + 0,15z = 0,12 ⇒ z = 0 (bắt buộc) và x = 3; y = 2 (x # y # 0)

Vậy **X** là HCOOC4H9 (0,03 mol) và dùng BTKL tìm mE = 23,16 (g) ⇒ %mX = 8,88%.

**Câu 80: Chọn C.**

Dung dịch **Y** chứa Fe2+, Fe3+, Cl- (0,88 mol), H+ ()

Kết tủa thu được gồm AgCl (0,88 mol) và Ag (0,07 mol)



Đặt Fe: x mol; FeO: 3y mol; Fe3O4: 2y mol; Fe2O3: y mol; Fe(NO3)2: z mol

⇒ 56x + 840y + 180z = 27,04 (1) và x + 11y + z = 0,31 (2)

Đặt 

Từ (1), (2), (3) suy ra: x = 0,14; y = 0,01; z = 0,06 ⇒ %nFe = 53,85%.

--------------HẾT---------------